

Số: 14 /BC-NV

Biên Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
Về công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
Quý I năm 2021.

Kính gửi: Phòng Văn hóa thông tin thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Phòng Nội vụ công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2021 như sau:

1. Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ:

Thực hiện dự toán quý I/2021: 439.435.700 đồng đạt 19,02% dự toán năm 2021, bằng 102,88% cùng kỳ năm trước .

Trong đó:

- Chi thanh toán cá nhân: tổng chi quý I/2021 là 348.758.138 đồng đạt 23,74% dự toán năm 2021

- Chi hoạt động thường xuyên: tổng chi quý I/2021 là 90.677.562 đồng đạt 10,76% dự toán năm 2021.

2. Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo tổng chi quý I/2021 là 37.400.000 đồng đạt 7,56% dự toán năm 2021.

- Kinh phí cải cách hành chính tổng chi quý I/2021 là 1.540.000 đồng đạt 0,002% dự toán năm 2021.

- Kinh phí khen thưởng tổng chi quý I/2021 là 441.163.000 đồng đạt 0.12% dự toán năm 2021.

- Kinh phí đào tạo tổng chi quý I/2021 là 37.400.000 đồng đạt 1.45% dự toán năm 2021.

- Còn lại các nguồn kinh phí Quản lý lý nhà nước về công tác lưu trữ; kinh phí địa giới hành chính; kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã; kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chưa thực hiện các nhiệm vụ chi liên quan đến kinh phí dự toán năm 2021.

(Đính kèm Biểu số 03: Đánh giá thực hiện thu – chi ngân sách quý I/2021)

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2021 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa. /.

Nơi nhận:

- Như trên (phối hợp công khai);
- Ban lãnh đạo (b/cáo);
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT. (Trâm)

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh Nhã

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: PHÒNG NỘI VỤ
Chương: 635

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 06 tháng 4 Năm 2021

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ I NĂM 2021**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.210.500.000	949.538.700	7,78%	
1	Chi quản lý hành chính	10.140.500.000	919.538.700	9,07%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.310.500.000	439.435.700	19,02%	102,88%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.830.000.000	480.103.000	6,13%	
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	495.000.000	37.400.000	7,56%	30,81%
1.2.2	Kinh phí Cải cách hành chính	990.000.000	1.540.000	0,16%	5,57%
1.2.3	Kinh phí Quản lý nhà nước về công tác lưu trữ	2.700.000.000	0	0,00%	
1.2.4	Kinh phí Khen thưởng	3.600.000.000	441.163.000	12,25%	117,87%
1.2.5	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	45.000.000	0	0,00%	
1.2.6	Kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã	360.000.000	0	0,00%	
1.2.7	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp	2.700.000.000	0	0,00%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.070.000.000	30.000.000	1,45%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.070.000.000	30.000.000	1,45%	76,73%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh Nhã